

HOSE 12/09/2014

VNINDEX	632.50	3.51	0.56%
KLGD	144,087,285	CP	
GTGD	2,413.11	Tỷ	
GTR NDTNN	-	49.79	Tỷ

CP Tăng giá	151	CP
CP Giảm giá	66	CP
CP Đứng giá	87	CP



Tâm điểm

- ▶ **Giao dịch tích cực, 2 sàn đóng cửa ở mức cao trong phiên**
- ▶ **Thanh khoản thị trường vẫn ở mức khá cao**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 3,600 tỷ đồng
- ▶ **Fitch sẽ nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam**
Động thái nâng xếp hạng có thể được đưa ra trong vòng 12 – 18 tháng tới
DVO/Bloomberg
- ▶ **Tháng 9 giá tiêu dùng sẽ tăng nhẹ**
Dự báo chỉ số giá tiêu dùng tháng 9/2014 tăng nhẹ so với tháng 8/2014
Thời báo Tài chính Việt Nam
- ▶ **Thâm hụt ngân sách Mỹ giảm 22% nhờ kinh tế tăng trưởng mạnh**
Dự báo, thâm hụt ngân sách của cả năm tài chính 2014 sẽ giảm xuống 506 tỷ USD
DVO/ Bloomberg
- ▶ **DPR: Lãi gộp 8 tháng đạt gần 142 tỷ đồng**
Với kết quả này, Công ty mới chỉ hoàn thành được 57% kế hoạch lợi nhuận năm
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **SEC: ĐHĐCĐ thông qua sáp nhập vào SBT theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu 1.05:1**
Thông tin từ ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2014-2015 của SEC
Vietstock

HNX 12/9/2014

HNXINDEX	89.49	1.09	1.23%
KLGD	88,673,952	CP	
GTGD	1,229.51	Tỷ	
GTR NDTNN	-	5.52	Tỷ

CP Tăng giá	130	CP
CP Giảm giá	73	CP
CP Đứng giá	176	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	669.78	4.69	0.71%
HNX30	184.84	3.09	1.70%

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,121,451	15.7	3.4	19.8%	10.8%
HNX	143,593	14.6	1.8	9.2%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,265,044	17.4	3.3	18.8%	10.1%

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA	
Theo ngành						
Nhựa, cao su & sợi	7,565	6.9	1.0	13.7%	9.1%	
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,104	9.6	1.6	16.4%	11.2%	
Thép và sản phẩm thép	39,032	17.0	2.2	20.4%	9.4%	
Khai khoáng	12,262	63.6	5.6	0.3%	0.1%	
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,007	16.2	1.5	11.5%	7.5%	
Xây dựng	32,533	48.8	1.3	-1.1%	2.1%	
Máy công nghiệp	8,570	9.1	1.4	15.0%	10.2%	
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,859	8.6	1.5	19.0%	13.7%	
Lốp xe	8,291	10.3	3.0	27.6%	11.8%	
Nuôi trồng nông & hải sản	20,492	11.9	1.9	18.0%	6.5%	
Thực phẩm	200,035	24.4	4.8	20.6%	16.1%	
Dược phẩm	15,512	10.8	2.9	24.8%	16.3%	
Phần mềm	19,389	12.0	2.5	21.5%	9.2%	
Sản xuất & phân phối điện	25,080	-	5.9	1.3	-17.5%	-0.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	236,067	19.3	6.4	33.1%	22.7%	
Bảo hiểm nhân thọ	31,302	25.6	2.7	10.2%	2.1%	
Môi giới chứng khoán	28,140	14.2	1.6	9.5%	7.0%	
Ngân hàng	248,070	11.5	1.3	10.6%	0.9%	
Bất động sản	165,029	17.0	2.8	20.5%	5.0%	
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	52,725	11.9	2.6	22.7%	9.5%	

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Fitch sẽ nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam

Tháng 9 giá tiêu dùng sẽ tăng nhẹ

Thâm hụt ngân sách Mỹ giảm 22% nhờ kinh tế tăng trưởng mạnh

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

DPR: Lãi gộp 8 tháng đạt gần 142 tỷ đồng

SEC: ĐHĐCĐ thông qua sáp nhập vào SBT theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu 1.05:1

TCT: Phát hành gần 6.4 triệu CP để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

► Tin kinh tế

Theo Bloomberg, hãng xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings có thể nâng xếp Việt Nam trong thời gian sắp tới do nền kinh tế này có nhiều dấu hiệu hồi phục, củng cố thêm cho mức thấp kỷ lục của lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm. Bloomberg dẫn lời Andrew Colquhoun – người phụ trách xếp hạng của khu vực châu Á Thái Bình Dương – cho biết Fitch có thể nâng xếp hạng của Việt Nam lên 1 bậc, từ mức B+ hiện nay lên BB-. Mức B+ là dưới mức khuyến nghị đầu tư 3 bậc.

Các yếu tố dự báo sẽ tạo áp lực tăng giá tiêu dùng tháng 9 như nhu cầu mua sắm trang phục, đồ dùng học tập chuẩn bị cho năm học mới... Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính cho biết, ngoài các nguyên nhân nói trên, chỉ số giá tiêu dùng tháng 9 còn có thể bị tác động bởi các yếu tố như giá lúa, gạo trong thời gian tới có thể tiếp tục xu hướng tăng nhẹ do các doanh nghiệp thực hiện các hợp đồng xuất khẩu gạo; nhu cầu đi lại, vui chơi, giải trí vào dịp Tết Độc lập; mùa mưa bão tiếp diễn... Tuy nhiên, trong tháng 9/2014 cũng có nhiều yếu tố giúp giảm áp lực lên mặt bằng giá như giá nhiều hàng hoá nguyên nhiên vật liệu thiết yếu trên thị trường thế giới nhìn chung vẫn trong xu hướng giảm. Dự báo chỉ số giá tiêu dùng tháng 9/2014 tăng nhẹ so với tháng 8/2014.

Theo số liệu của Bộ Tài chính Mỹ, thâm hụt ngân sách giảm 22% trong 11 tháng đầu năm tài chính 2014. Báo cáo cho biết, thâm hụt ngân sách từ tháng 10/2013 đến tháng 8/2014 giảm xuống 589.2 tỷ USD so với 755.3 tỷ USD của cùng kỳ năm ngoái. Riêng trong tháng 8, chính phủ Mỹ cho biết, thâm hụt ngân sách đã giảm xuống 128.7 tỷ USD, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2013. Cụ thể tháng 8, doanh thu ngân sách đạt 194 tỷ USD, tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái và chi tiêu là 323 tỷ USD, giảm 3% so với tháng 8/2013. Đây là bằng chứng cho thấy, kinh tế Mỹ phục hồi rất mạnh mẽ trong 12 tháng qua với doanh thu ngân sách bất ngờ tăng mạnh.

► Tin doanh nghiệp

Theo kết quả kinh doanh tháng 8/2014, mà CTCP cao su Đồng Phú (HOSE: DPR) vừa công bố, DPR tiêu thụ được hơn 1,564 tấn mủ cao su, với giá bình quân 41.1 triệu đồng/tấn. Với kết quả này, tháng 8/2014, DPR ước đạt 106.4 tỷ đồng doanh thu, 19.4 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Lũy kế đến hết tháng 8/2014, DPR đạt gần 542.6 tỷ đồng doanh thu; lợi nhuận trước thuế ước gần 141.8 đồng (tương đương 56.9% kế hoạch năm), thấp hơn đáng kể so với 253.6 tỷ đồng của cùng kỳ năm ngoái. Giá mủ cao su tiêu thụ bình quân 8 tháng đầu năm nay chỉ đạt 42.7 triệu đồng/tấn so với 55.3 triệu đồng/tấn của cùng năm ngoái, là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận 8 tháng đầu năm nay của DPR sụt giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2013.

ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2014-2015 của CTCP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (HOSE: SEC) vừa được tổ chức vào ngày 11/09/2014. Đại hội đã thông qua tất cả các tờ trình về kết quả kinh doanh niên độ 2013-2014 và kế hoạch cũng như định hướng cho niên độ 2014-2015. Đặc biệt, tại đại hội, cổ đông quan tâm nhất về phương án sáp nhập giữa SEC với CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (HOSE: SBT). Theo đó, SBT sẽ phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu SEC đang lưu hành theo tỷ lệ 1:1.05. Sau khi hoán đổi cổ phiếu, SBT sẽ trở thành chủ sở hữu duy nhất 100% vốn điều lệ của SEC và SEC sẽ được đăng ký chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên. Đại diện từ SEC cho biết việc sáp nhập giữa hai công ty sẽ giúp tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp sau sáp nhập và gia tăng lợi ích cho cổ đông.

CTCP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh (HNX: TCT) dự kiến phát hành gần 6.4 triệu cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cụ thể, TCT dự kiến phát hành 6,394,000 cổ phần, với tỷ lệ 1:1 để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 63.94 tỷ đồng. Trong một tháng qua, giá cổ phiếu TCT bình quân dao động trong biên độ 116,300 – 124,000 đồng/cp, khối lượng giao dịch bình quân là 3,458 đơn vị, trị giá giao dịch bình quân là 415.2 triệu đồng/phiên.

HOSE 12/09/2014 VNINDEX 632.50 3.51 0.56% 144,087,285 CP 2,413.11 bil VND

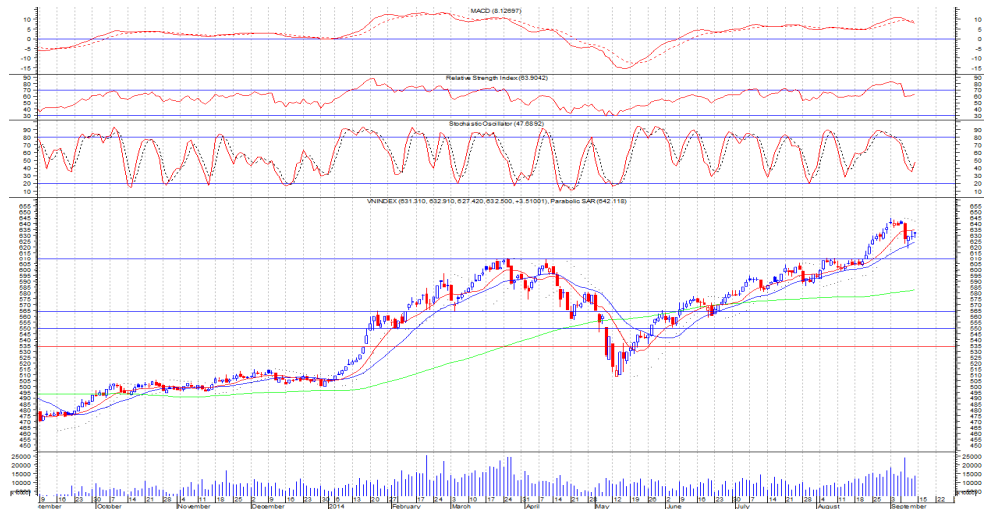
Giao dịch tích cực, 2 sàn đóng cửa ở mức cao trong phiên

VN-Index tăng 3,51 điểm (+0.56%), đóng cửa tại mức 632,50 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, VN-Index tiếp tục hồi phục nhẹ.

- MACD sau khi cho tín hiệu bán ra tiếp tục sụt giảm xuống.

- Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại. Đây là tín hiệu tích cực trở lại.

- MA10 đã bị phá vỡ, ngưỡng MA20 tỏ rõ là mốc hỗ trợ khá tốt cho VN-Index trong những nhịp điều chỉnh. Cả 2 đường này vẫn đang giữ đà tăng, cho thấy xu hướng tăng điểm của VN-Index vẫn đang duy trì.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.3 (2.5%)	19,743,260
SAM	0.5 (4.1%)	7,997,320
ITA	-0.1 (-1.1%)	5,877,380
PTL	0.2 (4.8%)	4,615,100
KBC	0.4 (2.7%)	3,726,830

HOSE Top 5 theo % tăng

HAI	2.1 (7.0%)	57,040
TS4	0.9 (7.0%)	637,380
FMC	2 (6.9%)	191,690
PAC	1.7 (6.9%)	284,370
PDR	0.9 (6.9%)	791,960

HOSE Top 5 theo % giảm

KAC	-0.9 (-6.9%)	140
CTI	-0.9 (-6.7%)	40
ELC	-0.9 (-6.4%)	33,650
TCR	-0.3 (-6.1%)	112,110
SC5	-1.5 (-5.6%)	10

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

PVD	15,8 tỷ	159,230
DRC	6,5 tỷ	114,250
MWG	6,0 tỷ	40,140
HSG	4,6 tỷ	102,590
STB	4,5 tỷ	227,250

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KDC	-64,7 tỷ	1,043,450
VIC	-11,8 tỷ	213,370
SSI	-8,0 tỷ	274,190
MSN	-7,3 tỷ	88,150
GAS	-3,3 tỷ	27,320

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-1,137,170	- 49.79

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục có được sự tích cực nhờ sự hồi phục của nhiều cổ phiếu. Nhóm cổ phiếu dầu khí, thủy sản là tâm điểm của phiên hôm nay.
- ▶ KLGD vẫn duy trì ở mức khá và đạt 142 triệu đơn vị. Điều này cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 49,79 tỷ. Lượng bán tập trung nhiều ở KDC, và VIC. Trong khi khối này mua ròng rất mạnh ở mã PVD, DRC.
- ▶ VN-Index giao dịch cân bằng trở lại và nhiều khả năng sẽ xuất hiện những phiên hồi nhẹ. Tuy nhiên, nhiều khả năng nhịp hồi này sẽ không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15% trong những phiên vừa qua. Việc mua đuổi vẫn chưa nên diễn ra.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	121.0	229,295.00	19.8	6.5	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	109.0	109,012.93	17.8	5.9	34.1%	27.1%
VIC	1,383.5	55.5	76,783.98	16.0	4.3	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	28.5	75,953.08	16.5	1.7	10.6%	1.0%
MSN	735.8	83.0	61,072.08	-1,501.9	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	14.1	39,637.96	9.9	1.2	12.3%	0.7%
BVH	680.5	46.4	31,573.87	25.6	2.7	10.2%	2.1%
PVD	303.0	99.5	30,152.17	12.9	2.7	22.7%	10.7%
HPG	481.9	58.0	27,950.67	9.9	2.6	28.3%	12.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

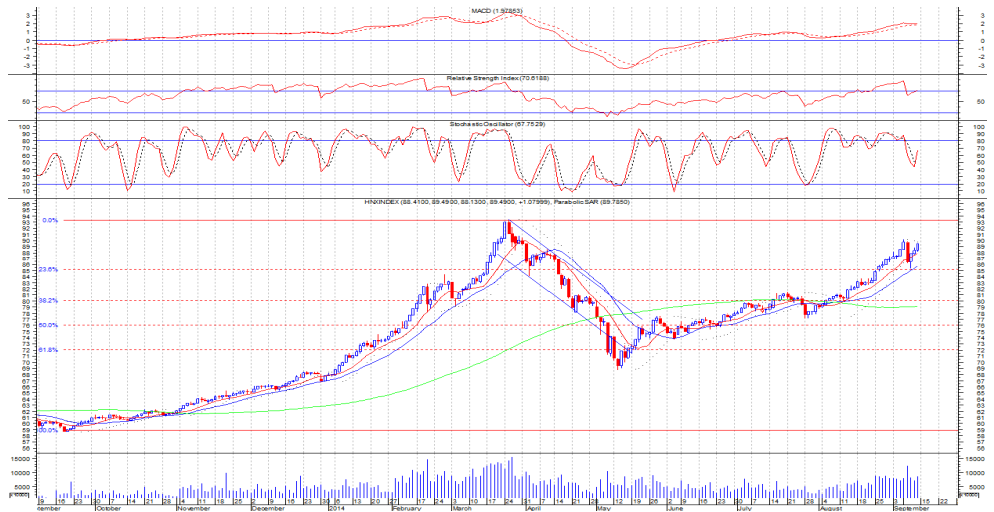
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.2	4,400.75	17.8	1.5	NA	TH.DOI
FPT	343.9	56.0	19,258.08	12.0	2.5	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.8	2,402.96	8.0	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.5	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.3	686.48	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	24.7	681.97	2.7	1.1	NA	TH.DOI

HNX 12/09/2014 HNX-Index 89.49 1.09 1.23% 88,673,952 CP 1,229.51 bil. VND

Giao dịch tích cực, 2 sàn đóng cửa ở mức cao trong phiên

Chỉ số HNX-Index tăng 1.09 điểm (+1.23%), đóng cửa tại mốc 89.49 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến tương đối dài, chỉ số này tiếp tục hồi phục khá tốt phiên hôm nay.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua trở lại.
- MACD tăng tích cực trở lại. Đây là tín hiệu khá tích cực.
- RSI (14) tăng nhẹ trở lại mức 70.
- MA10, MA20 vẫn đang giữ xu hướng tăng, điều này cho thấy đà tăng của HNX-Index vẫn đang được giữ vững.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.2 (3.2%)	9,795,050
KLF	0.1 (0.8%)	6,960,150
PVL	0.4 (9.1%)	5,434,230
PVC	3.4 (9.9%)	5,362,040
PVS	2.6 (6.1%)	5,333,370

HNX Top 5 theo % tăng

NDF	4.3 (29.7%)	428,700
TCT	12 (10.0%)	19,010
PHH	0.7 (9.9%)	743,500
PVC	3.4 (9.9%)	5,362,040
ECI	1.9 (9.8%)	300

HNX Top 5 theo % giảm

SDN	-3.1 (-10.0%)	2,610
VCM	-1.5 (-10.0%)	2,000
SJC	-1.2 (-9.9%)	2,100
CID	-0.5 (-9.8%)	4,500
CX8	-0.5 (-9.8%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

KLS	2,6 tỷ	213,300
PVG	0,8 tỷ	63,000
SDT	0,5 tỷ	30,000
HMH	0,3 tỷ	12,000
STC	0,2 tỷ	11,100

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-4,4 tỷ	120,800
VCG	-2,1 tỷ	150,000
SHB	-1,5 tỷ	155,000
PGS	-0,9 tỷ	22,000
VIG	-0,6 tỷ	110,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-225,300	5.52

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục có được sự tích cực nhờ sự hồi phục của nhiều cổ phiếu. Nhóm cổ phiếu dầu khí, thủy sản là tâm điểm của phiên hôm nay.
- ▶ KLGD vẫn duy trì ở mức khá và đạt 86 triệu đơn vị. Điều này cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 5,52 tỷ. Khối này bán mạnh ở PVC, VCG. Trong khi mua nhiều ở KLS.
- ▶ HNX-Index giao dịch cân bằng trở lại và nhiều khả năng sẽ xuất hiện những phiên hồi nhẹ. Tuy nhiên, nhiều khả năng nhịp hồi này sẽ không quá mạnh.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15% trong những phiên vừa qua. Cân nhắc gia tăng danh mục nếu HNX-Index vượt đỉnh.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	44.9	20,056.85	10.7	2.3	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	20.7	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.4	8,329.18	9.7	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.3	6,316.46	11.2	1.2	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	83.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.5	4,165.43	14.4	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	20.9	2,739.49	8.7	1.1	12.7%	5.7%
LAS	77.8	35.0	2,724.12	7.0	1.8	27.5%	15.2%
NTP	56.3	46.1	2,597.24	6.9	2.0	22.9%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	39.5	1,501.00	9.2	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.8	665.28	6.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.8	1,679.98	15.3	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.1	2,597.24	6.9	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	37.9	1,895.00	10.4	2.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	41.9	329.96	6.6	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	13.73%	83.0	#####	4.27	200,350	288,032	240,978
VIC	HOSE	1,383.5	76,783.98	13.68%	55.5	15.98	4.30	2,968,646	2,131,582	1,095,430
HPG	HOSE	481.9	27,950.67	13.62%	58.0	9.90	2.61	1,043,246	1,057,834	924,320
PVD	HOSE	303.0	30,152.17	9.64%	99.5	12.85	2.72	554,406	472,329	391,699
HAG	HOSE	790.0	19,275.22	8.07%	24.4	16.31	1.39	3,056,233	3,355,919	2,748,023
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	7.65%	19.7	8.21	1.32	421,322	329,127	865,409
VCB	HOSE	2,665.0	75,953.08	6.07%	28.5	16.52	1.71	575,413	624,901	455,351
DPM	HOSE	379.9	12,955.76	5.32%	34.1	10.08	1.43	2,123,991	1,775,954	1,158,935
ITA	HOSE	718.9	6,542.04	3.07%	9.1	71.28	0.84	12,041,568	9,998,301	6,226,175
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	2.45%	46.4	25.62	2.68	147,140	135,807	166,393
KBC	HOSE	389.8	5,846.40	2.33%	15.0	24.91	1.12	3,574,335	2,795,168	1,758,861
HSG	HOSE	96.3	4,276.30	2.28%	44.4	13.24	1.82	282,130	235,584	159,286
GMD	HOSE	116.1	3,960.31	1.97%	34.1	7.93	0.83	490,800	486,107	258,683
VSH	HOSE	206.2	3,052.37	1.58%	14.8	14.36	1.12	1,190,538	1,015,804	723,980
PPC	HOSE	318.2	7,444.82	1.47%	23.4	15.22	1.48	736,557	709,370	576,330
CSM	HOSE	67.3	2,974.31	1.45%	44.2	8.27	2.49	294,297	282,103	362,112
DRC	HOSE	83.1	4,776.75	1.34%	57.5	12.86	3.49	167,761	208,868	236,641
HVG	HOSE	132.0	3,999.60	1.24%	30.3	31.71	1.60	1,841,566	1,264,868	889,145
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.16%	17.2	17.82	1.47	2,136,632	2,175,442	1,831,196
DIG	HOSE	178.7	2,359.42	1.06%	13.2	64.23	0.99	294,105	268,613	205,862
OGC	HOSE	300.0	3,630.00	0.82%	12.1	43.93	1.13	4,079,721	3,812,997	2,034,399

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	7.67%	19.7	8.21	1.32	421,322	329,127	865,409
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	7.43%	83.0	#####	4.27	200,350	288,032	240,978
VCB	HOSE	2,665.0	75,953.08	7.31%	28.5	16.52	1.71	575,413	624,901	455,351
VIC	HOSE	1,383.5	76,783.98	6.29%	55.5	15.98	4.30	2,968,646	2,131,582	1,095,430
DPM	HOSE	379.9	12,955.76	5.63%	34.1	10.08	1.43	2,123,991	1,775,954	1,158,935
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	5.63%	46.4	25.62	2.68	147,140	135,807	166,393
PVS	HNX	446.7	20,056.85	5.50%	44.9	10.65	2.26	4,364,088	4,245,730	3,150,267
PVD	HOSE	303.0	30,152.17	3.79%	99.5	12.85	2.72	554,406	472,329	391,699
ITA	HOSE	718.9	6,542.04	3.48%	9.1	71.28	0.84	12,041,568	9,998,301	6,226,175
SHB	HNX	886.1	8,329.18	3.36%	9.4	9.74	0.77	6,863,060	5,558,923	5,416,996
HAG	HOSE	790.0	19,275.22	3.27%	24.4	16.31	1.39	3,056,233	3,355,919	2,748,023
VCG	HNX	441.7	6,316.46	3.21%	14.3	11.19	1.15	1,318,675	1,078,019	994,481
OGC	HOSE	300.0	3,630.00	2.07%	12.1	43.93	1.13	4,079,721	3,812,997	2,034,399
DRC	HOSE	83.1	4,776.75	1.52%	57.5	12.86	3.49	167,761	208,868	236,641
GMD	HOSE	116.1	3,960.31	1.49%	34.1	7.93	0.83	490,800	486,107	258,683
PPC	HOSE	318.2	7,444.82	1.32%	23.4	15.22	1.48	736,557	709,370	576,330
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.16%	17.2	17.82	1.47	2,136,632	2,175,442	1,831,196
PVX	HNX	400.0	2,560.00	0.00%	6.4	- 2.00	3.35	12,722,499	11,463,565	7,576,054

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,383.5	76,783.98	0.00%	55.5	15.98	4.30	2,968,646	2,131,582	1,095,430
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.00%	83.0	#####	4.27	200,350	288,032	240,978
DPM	HOSE	379.9	12,955.76	0.00%	34.1	10.08	1.43	2,123,991	1,775,954	1,158,935
HAG	HOSE	790.0	19,275.22	0.00%	24.4	16.31	1.39	3,056,233	3,355,919	2,748,023
VCB	HOSE	2,665.0	75,953.08	0.00%	28.5	16.52	1.71	575,413	624,901	455,351
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	0.00%	19.7	8.21	1.32	421,322	329,127	865,409
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	0.00%	46.4	25.62	2.68	147,140	135,807	166,393
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	656,063	470,902	345,329
GAS	HOSE	1,895.0	229,295.00	0.00%	121.0	19.82	6.49	284,848	361,219	311,282

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.88%	83.0	#####	4.27	200,350	288,032	240,978
VIC	HOSE	1,383.5	76,783.98	0.56%	55.5	15.98	4.30	2,968,646	2,131,582	1,095,430
STB	HOSE	1,142.5	22,507.48	0.31%	19.7	8.21	1.32	421,322	329,127	865,409
VCB	HOSE	2,665.0	75,953.08	0.24%	28.5	16.52	1.71	575,413	624,901	455,351
DPM	HOSE	379.9	12,955.76	0.15%	34.1	10.08	1.43	2,123,991	1,775,954	1,158,935
BVH	HOSE	680.5	31,573.87	0.08%	46.4	25.62	2.68	147,140	135,807	166,393

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,565	6.9	1.0	13.7%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,104	9.6	1.6	16.4%	11.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,696	24.8	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	839	7.3	0.9	12.6%	6.6%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,032	17.0	2.2	20.4%	9.4%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,930	3.3	0.9	24.6%	5.3%
Khai khoáng	12,262	63.6	5.6	0.3%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,007	16.2	1.5	11.5%	7.5%
Xây dựng	32,533	48.8	1.3	-1.1%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,173	8.2	1.2	16.3%	8.3%
Công nghiệp phức hợp	807	6.7	1.6	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,370	6.9	1.0	13.7%	6.0%
Thiết bị điện	1,814	18.5	1.0	0.9%	-0.3%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	44	13.4	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,570	9.1	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,385	3.2	1.2	4.4%	1.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,859	8.6	1.5	19.0%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,072	7.8	1.5	18.7%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,967	9.9	1.6	14.1%	6.9%
Đào tạo & Việc làm	231	9.6	0.7	8.4%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	187	8.3	0.8	11.2%	4.7%
Chất thải & Môi trường	174	2.6	0.8	35.2%	16.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,264	19.6	1.4	11.9%	6.5%
Lốp xe	8,291	10.3	3.0	27.6%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,516	7.6	1.3	15.5%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	283	12.6	1.9	15.7%	9.9%
Đồ uống & giải khát	212	6.1	1.1	14.3%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,492	11.9	1.9	18.0%	6.5%
Thực phẩm	200,035	24.4	4.8	20.6%	16.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	78	19.6	1.0	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,331	7.8	1.1	14.3%	7.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	605	47.7	1.5	2.9%	2.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,628	9.6	1.9	18.5%	7.2%
Giày dép	7	1.0	0.4	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,028	9.3	1.7	18.1%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	721	8.0	1.1	-1.6%	3.8%

12 September 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	963	15.0	1.0	6.7%	3.9%
Dụng cụ y tế	166	3.4	1.9	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	159	7.3	1.0	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,512	10.8	2.9	24.8%	16.3%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	268	50.4	0.9	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	701	10.8	1.1	13.0%	7.7%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,981	11.0	1.8	16.7%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,096	9.6	1.0	10.5%	7.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,676	72.8	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,377	13.3	1.3	14.8%	12.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,430	18.5	2.9	22.5%	19.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	621	14.9	0.8	5.5%	2.0%
Internet	355	74.9	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	19,389	12.0	2.5	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	463	16.0	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng	280	4.8	1.0	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	11,810	30.5	7.0	33.7%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	25,080	-	5.9	1.3	-17.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	236,067	19.3	6.4	33.1%	22.7%
Nước	1,237	6.6	1.1	16.9%	11.3%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,323	7.6	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,793	12.2	0.7	6.3%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,726	8.7	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,302	25.6	2.7	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,570	43.9	1.1	2.5%	0.7%
Môi giới chứng khoán	28,140	14.2	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	248,070	11.5	1.3	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	165,029	17.0	2.8	20.5%	5.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	13	3.3	0.9	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	52,725	11.9	2.6	22.7%	9.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.